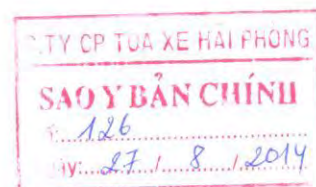


TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TOA XE HẢI PHÒNG

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG



Phạm Văn Hiến
CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Văn Hiến

HẢI PHÒNG
THÁNG 4-2006

Mục lục

CHƯƠNG I	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1	Định nghĩa.....	3
CHƯƠNG II	TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2	Tên, địa chỉ và Thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
CHƯƠNG III	LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3	Lĩnh vực, Phạm vi kinh doanh và Mục tiêu của công ty.....	5
CHƯƠNG IV	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 4	Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông Sáng lập.....	6
Điều 5	Cổ phiếu.....	7
Điều 6	Chuyển nhượng Cổ phần.....	7
Điều 7	Thừa kế cổ phần.....	8
Điều 8	Thu hồi Cổ phần.....	8
CHƯƠNG V	CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 9	Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm:.....	9
CHƯƠNG VI	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 10	Quyền hạn của Cổ đông Công ty.....	9
Điều 11	Nghĩa vụ của Cổ đông.....	10
Điều 12	Đại hội đồng cổ đông và Đại hội cổ đông.....	10
Điều 13	Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14	Đại diện được ủy quyền.....	12
Điều 15	Triệu tập Đại hội cổ đông, Chương trình đại hội, và Thông báo đại hội.....	13
Điều 16	Tiến hành Đại hội Cổ đông và lập biên bản đại hội cổ đông.....	14
Điều 17	Biên bản họp Đại hội cổ đông.....	15
Điều 18	Thông qua Nghị Quyết bằng văn bản.....	16
CHƯƠNG VII	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 19	Thành phần và nhiệm kỳ.....	16
Điều 20	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 21	Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.....	18
Điều 22	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 23	Họp Hội Đồng Quản trị.....	21
CHƯƠNG VIII	BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY.....	22
Điều 24	Tổ chức bộ máy quản lý.....	22
Điều 25	Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	23
CHƯƠNG IX	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY.....	24
Điều 26	Trách nhiệm của cán bộ quản lý Công ty.....	24
Điều 27	Tránh xung đột về quyền lợi.....	25
Điều 28	Trách nhiệm và bồi thường.....	25
CHƯƠNG X	BAN KIỂM SOÁT.....	26
Điều 29	Bầu Ban Kiểm soát.....	26
Điều 30	Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....	26
Điều 31	Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát.....	27
CHƯƠNG XI	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	28
Điều 32	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	28
CHƯƠNG XII	TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	29
Điều 33	Tổ chức Đảng, Công nhân viên và Công đoàn.....	29

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	29
Điều 34 Cổ tức	29
CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	30
Điều 35 Tài khoản ngân hàng	30
Điều 36 Trích lập các quỹ	31
Điều 37 Năm tài chính	31
Điều 38 Hệ thống Kế toán	31
CHƯƠNG XV CON DẤU	31
Điều 39 Con dấu	31
CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY	32
Điều 40 Chấm dứt hoạt động	32
Điều 41 Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông	32
Điều 42 Thanh lý công ty	32
CHƯƠNG XVII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	33
Điều 43 Giải quyết tranh chấp nội bộ	33
CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	34
Điều 44 Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	34
CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC	34
Điều 45 Ngày hiệu lực	34
Điều 46 Chữ ký của các cổ đông sáng lập	34

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng (dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập căn cứ Quyết định Số 4044/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải Phê duyệt phương án chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Toa xe Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng.

Điều lệ này của Công ty là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng hoạt động, được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2006 tại Hải Phòng.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1 ĐỊNH NGHĨA

- I. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng.
 - b. "Hội đồng Quản trị" - viết tắt là HĐQT, có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - c. "Cổ đông" là mọi cá nhân hoặc pháp nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 - d. "Đại hội đồng cổ đông" - viết tắt là ĐHĐCD, có nghĩa là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
 - e. "Đại hội cổ đông", viết tắt là ĐHCD, có nghĩa là cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. "Địa bàn kinh doanh", có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - g. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
 - h. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999 và Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.
 - i. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
 - j. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm Pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996.
 - k. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
 - l. "Những người liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức bất kỳ như quy định tại Điều 3(14) của Luật Doanh nghiệp.

- m. "Thời hạn" có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời hạn gia hạn được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết.
 - n. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản (hoặc) của văn bản đó.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này;
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2 TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN TOA XE HẢI PHÒNG
2. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:

HAIPHONG RAILWAY COMPARTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HPRAILCO

Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: 39 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Điện thoại: (031) 921 490

Fax: (031) 921 183

Website : <http://www.vr.com.vn/caedonvi/congngghiep/congtytoaxehaiphong>

E-mail : hprailco@hn.vnn.vn

Biểu tượng :



4. Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trước Pháp luật.

5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi Pháp luật cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 41 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG III LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 3 LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - Thiết kế, sản xuất, sửa chữa các loại toa xe;
 - Thiết kế, sản xuất chi tiết và phụ tùng toa xe;
 - Sản xuất Phụ tùng đầu máy;
 - Mua bán: toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy, toa xe;
 - Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ, rơ móc;
 - Sản xuất sửa chữa xe có động cơ, rơ móc;
 - Mua bán xe có động cơ, rơ móc, chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ, rơ móc;
 - Đại lý xăng dầu, mỡ bôi trơn;
 - Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật;
 - Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng làm việc, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê kho, bãi, nhà xưởng;
 - Xuất nhập khẩu hàng hoá;
 - Vận tải đa phương thức trong nước, vận tải hành khách, hàng hoá bằng ô tô;
 - Dịch vụ khách sạn nhà nghỉ;
 - Dịch vụ ăn uống;
 - Hoạt động thể thao giải trí;
 - Thiết kế mỹ thuật, in ấn, quảng cáo thương mại, đào tạo nghề;
 - Liên danh liên kết Khám chữa bệnh cho người lao động và nhân dân.
2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
 - a. Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật,
 - b. Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà Pháp luật cho phép nếu Hội đồng Quản trị xem xét thông qua.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**ĐIỀU 4 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty đã phát hành các loại cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng và cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này.
 - a. Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng là cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty, cổ phần của cổ đông sáng lập.
 - b. Cổ phần tự do chuyển nhượng: là cổ phần không nằm ở mục a nêu trên.
2. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **17.442.490.000 đồng**. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.744.249 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.
3. Cổ đông sáng lập là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:
 - a. Tham gia Đại hội cổ đông thành lập và thông qua Điều lệ lần đầu tiên của Công ty;
 - b. Cùng nhau cam kết nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần lưu hành của Công ty trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập;
 - c. Sở hữu tối thiểu 0,05% vốn điều lệ của Công ty.
4. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
6. Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi phân phối cho các cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối hoặc trao quyền mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

7. Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính Công ty. Việc mua lại cổ phần của Công ty phải do Hội đồng Quản trị quyết định và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán phù hợp với các quy định của Pháp luật.
8. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu và các quyền kèm theo trái phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Việc phát hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 5 CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu quy định của Bộ Tài chính nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và quản lý thống nhất dưới dạng bút toán ghi sổ.
2. Các thông tin về cổ đông như quy định của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu hợp pháp cổ phần của cổ đông với Công ty.
3. Đối với những cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại công ty Chứng khoán hoặc mua cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, thì quyền sở hữu đối với cổ phiếu của Công ty được xác nhận theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
4. Công ty cũng có thể phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ vật chất theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Ngoại trừ cổ đông Nhà nước, cổ đông là pháp nhân không được sở hữu quá 20% và cổ đông là thể nhân không được sở hữu quá 10% vốn điều lệ của công ty trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

ĐIỀU 6 CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Các loại cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp các qui định khác trong Điều lệ công ty và Pháp luật qui định. Việc chuyển nhượng cổ phần phải theo đúng qui trình quản lý, chuyển nhượng cổ phần do công ty ban hành. Cổ phiếu của công ty được lưu ký tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các qui định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch Chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông của công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. các trường hợp chuyển nhượng khác phải được Hội đồng Quản trị Công ty chấp thuận.
3. Các thành viên Hội đồng Quản trị không được thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian đương nhiệm và trong vòng một năm kể từ khi không còn là thành viên Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp đặc biệt do Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản

trị phải được Hội đồng quản trị chấp thuận và được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên Hội đồng Quản trị khác nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ nắm giữ trong Hội đồng Quản trị.

4. Cổ phần bán ưu đãi cho các đối tác chiến lược được chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập công ty.

ĐIỀU 7 THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về Thừa kế và các quy định khác có liên quan.
2. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - a. Người thừa kế duy nhất theo luật định;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng hàng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định Pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.
4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

ĐIỀU 8 THU HỒI CỔ PHẦN

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần thì Hội đồng Quản trị sẽ thông báo cho cổ đông và yêu cầu thanh toán số tiền mua cổ phần. Thông báo của Hội đồng Quản trị sẽ nêu rõ số tiền, thời hạn và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần.
2. Trường hợp cổ đông không thanh toán toàn bộ số tiền trong thời hạn và địa điểm mà Hội đồng Quản trị yêu cầu, thì Hội đồng Quản trị sẽ thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó. Trường hợp cổ đông chỉ thanh toán một phần, thì Hội đồng Quản trị sẽ thu hồi số lượng cổ phần chưa thanh toán.
3. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, thì các cổ phiếu bị Hội đồng Quản trị quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức, mặc dù Công ty đã công bố chia cổ tức.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ được giao nộp về Công ty và trở thành tài sản của Công ty và có thể được phân phối lại cho các đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 9 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ BAO GỒM:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Ban Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 10 QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác biểu quyết phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;
 - b. Nhận cổ tức hàng năm theo mức do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ nắm giữ, khi Công ty phát hành thêm cổ phần;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình nếu cổ đông có đủ tư cách tham dự Đại hội cổ đông theo quy định của Công ty;
 - f. Trường hợp Công ty phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ khác và cổ phần ưu đãi;
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
 - a. Đề cử người vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Điều 19.3 và Điều 30.4 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.
 - d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 11 NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Quy chế; các Quyết định của Hội đồng Quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty;
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 12 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền.
2. Đại hội cổ đông: Đại hội cổ đông là các kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội cổ đông bao gồm Đại hội cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong Quý I tại địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định tùy thuộc vào từng thời điểm. Đại hội cổ đông thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề do Pháp luật và Điều lệ Công ty qui định.
3. Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty. Tại các Đại hội cổ đông thường niên, cổ đông có sở hữu ít nhất là 0,1% vốn điều lệ Công ty là đại biểu đương nhiên. Những cổ đông khác tự nhóm lại với nhau để có số cổ phiếu tối thiểu là 0,1% vốn điều lệ Công ty và cử người đại diện tham dự Đại hội cổ đông thường niên.
4. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b. Số liệu trong bảng cân đối kế toán quý, nửa năm hoặc năm của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một phần tư (1/4) trở lên;
 - c. Khi số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số lượng mà Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định;
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc các cán bộ quản lý của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
5. Triệu tập Đại hội cổ đông bất thường.
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Điều 12.4 của Điều lệ này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội cổ đông bất thường, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập theo yêu cầu.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nêu tại Điều 10.3 của Điều lệ này) yêu cầu có thể tự triệu tập.
 - d. Tất cả chi phí tổ chức Đại hội cổ đông sẽ do Công ty trả. Những chi phí này không bao gồm những chi phí mà cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông và chi phí ăn ở và đi lại của cổ đông.

ĐIỀU 13 QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau trong các Đại hội cổ đông thường niên:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán;
 - e. Kế hoạch kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau trong các kỳ Đại hội cổ đông thường niên và bất thường:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

- b. Mức cổ tức hàng năm trả cho từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền kèm theo từng loại cổ phần;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
 - g. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
 - h. Phương án phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu;
 - i. Việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập trong vòng ba (03) năm kể từ ngày thành lập;
 - j. Sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - l. Bán tài sản có giá trị trên năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Mua hoặc mua lại trên mười phần trăm (10%) cổ phần đang lưu hành của Công ty;
 - n. Việc Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - o. Thay đổi quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết và các loại cổ phần ưu đãi khác;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và ra nghị quyết để thông qua các vấn đề đã được đưa vào chương trình Đại hội.

ĐIỀU 14 ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông là cá nhân có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội cổ đông, không được ứng cử, đề cử để tham gia vào cơ quan quản lý điều hành công ty với danh nghĩa cá nhân. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
2. Việc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng thủ tục và mẫu ủy quyền của Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể thỏa thuận và ủy quyền bằng văn bản cho cổ đông khác của Công ty có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật làm đại diện cho nhóm cổ đông đó. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký và dấu (nếu có) hợp pháp của tất cả các cổ đông trong nhóm. Việc thay đổi người đại diện của nhóm cổ đông phải được tất cả các cổ đông trong nhóm nhất trí bằng văn bản.

4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thì cổ đông này phải gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng Quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo quy định của Pháp luật.
5. Phiếu biểu quyết của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:
 - a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - b. Huỷ bỏ việc uỷ quyền;
 - c. Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

6. Các trường hợp trên sẽ không hiệu lực nếu Công ty được thông báo về một trong các trường hợp trên một ngày trước khi triệu tập hoặc triệu tập lại Đại hội cổ đông.

ĐIỀU 15 TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, VÀ THÔNG BÁO ĐẠI HỘI

1. Triệu tập Đại hội cổ đông:

Đại hội cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 12.4b hoặc 12.4c của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ít nhất mười (10) ngày trước ngày tiến hành Đại hội, chương trình Đại hội, và các tài liệu theo quy định của Pháp luật và Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - c. Thông báo bằng văn bản cho tất cả các cổ đông về việc tổ chức Đại hội cổ đông.
3. Thông báo về Đại hội cổ đông phải bao gồm:
 - Chương trình Đại hội.
 - Các vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.
 - Thông báo về Đại hội cổ đông phải được gửi đi trước ngày tổ chức đại hội ít nhất bảy (07) ngày tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình Đại hội cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày trước khi bắt đầu Đại hội cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ.
5. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại Điều 15.4 nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở nên;
 - c. Đề xuất không đủ thông tin cần thiết;
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua nghị quyết.
6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội.
 7. Trường hợp Đại hội cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung Đại hội không được đưa vào chương trình một cách hợp lý thì nghị quyết đã được Đại hội nhất trí thông qua vẫn được coi là hợp lệ nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội cổ đông.

ĐIỀU 16 TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VÀ LẬP BIÊN BẢN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ làm chủ tọa để chủ trì Đại hội cổ đông. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ chủ trì.
2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 16.3, Nghị quyết Đại hội cổ đông phải được thông qua bởi ít nhất bảy mươi hai phần trăm (72%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội cổ đông.
3. Các nghị quyết của Đại hội cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty, phải được thông qua bởi ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội cổ đông.
4. Chủ tọa Đại hội cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu các biên bản Đại hội cổ đông. Các biên bản Đại hội, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
5. Đại hội cổ đông chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự đại diện cho ít nhất tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ số lượng tham dự cần thiết, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội thứ nhất. Trong Đại hội được triệu tập lại, số lượng cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự phải đại diện cho ít nhất bảy mươi năm phần trăm (75%) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Đại hội thứ hai không thể tiến hành do không đủ số lượng tham dự, Đại hội thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến Đại hội lần hai. Trong Đại hội thứ ba, bất kỳ số lượng cổ đông và đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề được đưa ra để thảo luận và thông qua tại Đại hội.

6. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối sẽ được chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội sẽ chọn ra Hội đồng kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ toạ sẽ chọn Hội đồng kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu.
7. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội cổ đông và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội những vấn đề chưa được biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ toạ có quyền phán quyết cao nhất đối với các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông.
9. Chủ toạ Đại hội cổ đông có thể hoãn Đại hội đến thời gian và tại địa điểm khác trong vòng không quá ba mươi (30) ngày mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu:
 - a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.
 - b. Có hành vi cản trở hoặc gây rối Đại hội;
 - c. Để đảm bảo tiến hành các thủ tục và công việc của Đại hội một cách hợp lệ.
 - d. Đại hội nhất trí vì lý do hợp lý bất kỳ.

Đại hội được tổ chức lại sẽ không xem xét các vấn đề ngoài các vấn đề đã đưa vào chương trình thảo luận.
10. Chủ toạ hoặc Thư ký Đại hội được quyền hành động thích hợp để điều khiển Đại hội diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.
11. Hội đồng Quản trị có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra hoặc an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội. Hội đồng Quản trị có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh.

ĐIỀU 17 BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Đại hội Cổ đông phải được lập thành biên bản. Biên bản phải phản ánh các nội dung sau đây:
 - a. Thời gian và địa điểm Đại hội cổ đông;
 - b. Tên Chủ toạ và Thư ký;
 - c. Chương trình làm việc;
 - d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội cổ đông;
 - e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề được thông qua;

- f. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - h. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải được hoàn thiện và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

ĐIỀU 18 THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG VĂN BẢN

Do điều kiện nào đó (làm việc phân tán, không có điều kiện về kinh phí, địa điểm v.v.), nghị quyết đại hội cổ đông vẫn được thông qua khi số lượng cổ đông đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp thông qua nghị quyết bằng văn bản, Hội đồng Quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Quyết định các vấn đề cần biểu quyết, hình thức và nội dung phiếu biểu quyết;
- b. Nội dung phiếu biểu quyết phải có: Tên, trụ sở của Công ty, mục đích biểu quyết, vấn đề cần biểu quyết, các tài liệu liên quan để cổ đông nghiên cứu vấn đề trước khi biểu quyết, thời hạn gửi lại phiếu biểu quyết về Công ty, các mục lựa chọn biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”;
- c. Gửi phiếu biểu quyết kèm theo tài liệu liên quan cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội cổ đông;
- d. Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết và các nghị quyết được thông qua cho tất cả cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông gửi phiếu biểu quyết của họ về Công ty.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 19 THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ

1. Số lượng thành viên HĐQT: Hội đồng Quản trị có 5 thành viên, bao gồm Chủ tịch, và các thành viên.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT: Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ 5 năm, thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội cổ đông tiếp theo. Nếu trong thời gian hoạt động thành viên HĐQT đã đến tuổi nghỉ hưu theo Bộ luật Lao động thì sẽ nghỉ theo Bộ luật lao động và thôi trong HĐQT và Đại hội cổ đông sẽ họp để bổ sung.
3. Hình thức bầu HĐQT: Các thành viên trong hội đồng quản trị được bầu trực tiếp bằng thẻ thức bỏ phiếu kín tại Đại hội cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử phải đạt ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội cổ đông.
4. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị thoả mãn các nội dung dưới đây:

- a. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên.
 - b. Có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty.
 - c. Có hiểu biết về Pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp.
 - d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
 - e. Là cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu 0,05% vốn điều lệ của Công ty hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty.
 - f. Không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá hai (02) tổ chức sản xuất kinh doanh khác.
 - g. Không phải là người thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành và là thành viên HĐQT của các doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất kinh doanh tương tự của Công ty.
 - h. Không phải là những người không được làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty. Việc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
 6. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.
 - a. Cổ đông cá nhân nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (5%) hoặc người đại diện hợp pháp cho Cổ đông pháp nhân nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số lượng cổ phần có quyền ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - b. Nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; nếu từ ba mươi lăm phần trăm (35%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử ba (03) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) thì được quyền đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên thì được đề cử năm (05) thành viên.

ĐIỀU 20 MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản;

- c. Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị trong vòng một năm liên tục không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị mà không có lý do hợp lý và không được Hội đồng Quản trị cho phép. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định vị trí của thành viên Hội đồng Quản trị đó;
 - e. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm từ 1/3 số thành viên trở lên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 21 QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng Quản trị quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - b. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
 - c. Xác định các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc Chi nhánh và Trưởng văn phòng đại diện của Công ty nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết và vì lợi ích của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;
 - f. Quyết định mức lương của Giám đốc, các cán bộ quản lý và đại diện của Công ty;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- h. Quyết định thành lập hoặc giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc đơn vị thành viên của Công ty;
 - i. Quyết định khiếu nại và lựa chọn đại diện của Công ty để tiến hành các thủ tục pháp lý khi khiếu nại (nếu có);
 - j. Đề xuất và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu;
 - k. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời và tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - m. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận:
- a. Thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các đơn vị thành viên của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108 của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, trừ trường hợp được quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 là do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các trường hợp cụ thể khác được quy định trong quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm Đại diện Thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.
 - g. Mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác;
 - h. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thiết bị và bí quyết công nghệ;
 - i. Mua lại hoặc thu hồi dưới mười phần trăm (10%) cổ phần của Công ty theo từng loại và quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - j. Bất kỳ vấn đề nào khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần phải quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các nội dung dưới đây trong năm tài chính:
- a. Hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Hoạt động Giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty;
 - c. Tình hình hoạt động của Công ty.

Nếu Hội đồng Quản trị không thực hiện những báo cáo trên, thì báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và không được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, trừ khi Pháp luật có quy định khác.
7. Đại hội cổ đông quyết định tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thoả thuận thì tổng thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên.
8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền thù lao trả cho mỗi thành viên phải được nêu chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ điều hành nào, bao gồm cả Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm những công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội cổ đông.

ĐIỀU 22 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm Giám đốc hoặc các chức danh điều hành khác của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Điều lệ Công ty qui định phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Chủ tịch khi được Chủ tịch uỷ quyền. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng Quản trị được uỷ quyền phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về việc uỷ quyền này.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi Báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội cổ đông.
4. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 23 HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một lần.
2. Họp Hội đồng Quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do: Ban Kiểm soát, Giám đốc, tối thiểu năm (05) cán bộ quản lý, hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị phải tiến hành họp bất thường trong thời hạn mười lăm ngày kể từ khi nhận được đề nghị họp bằng văn bản.
3. Địa điểm họp: Hội đồng Quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác tại Việt Nam do Chủ tịch quyết định và được Hội đồng Quản trị nhất trí.
4. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo hai (02) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải bao gồm: Nội dung chương trình, thời gian, địa điểm họp và những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp; phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp.
5. Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng Quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp dự họp.
6. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại Điều 23.8 mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.
7. Tuyên bố lợi ích: Khi Hội đồng Quản trị họp để xem xét ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch có lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho thành viên của Hội đồng Quản trị thì thành viên này phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó với Hội đồng Quản trị.
8. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người quyết định.
9. Biểu quyết vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước thời gian họp dự kiến.

10. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị ký và đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Các thành viên có quyền biểu quyết tại cuộc họp ký;
 - b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp ;
 - c. Nghị quyết có thể được sao ra nhiều bản và gửi cho từng thành viên ký để thông qua.
11. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp ký.
12. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
13. Hợp dự thính: Hội đồng Quản trị có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG VIII BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 24 TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và các Quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một Giám đốc, một số phó Giám đốc theo nhu cầu về nhiệm vụ công việc và một Kế toán trưởng để điều hành Công ty. Giám đốc và các phó Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Giám đốc là người đại diện của Công ty trước Pháp luật.
3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn mẫn cán trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà Hội đồng Quản trị đề ra.
4. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Giám đốc. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các cán bộ quản lý khác của Công ty cũng do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng có tham khảo ý kiến của Giám đốc và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng cán bộ quản lý.

ĐIỀU 25 BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc và ký hợp đồng lao động với Giám đốc. Hợp đồng lao động phải quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác của hợp đồng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc, thì Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Giám đốc.
3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau:
 - a. Phải tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật và có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý Doanh nghiệp, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty, hiểu biết Pháp luật;
 - b. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ điều hành nào tại Công ty khác;
 - c. Có sức khỏe ;
 - d. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
4. Giám đốc không phải là những người sau đây:
 - a. Người vị thành niên;
 - b. Người không đủ năng lực pháp lý và hành vi theo quy định của Pháp luật;
 - c. Người đã bị kết án và đang thi hành án;
 - d. Nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước;
 - e. Người mà trước đây từng lãnh đạo công ty bị phá sản;
 - f. Người mà trước đó đã có chứng cứ về việc vô tổ chức kỷ luật, không trung thực và tham nhũng.
5. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - c. Kiến nghị Hội đồng quản trị tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty và số lượng cán bộ quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.

- Tư vấn cho Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác khi Hội đồng Quản trị ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Lao động và Điều lệ này;
 - e. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động có tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị;
 - f. Lập và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty;
 - g. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
 - h. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;
 - i. Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, quý và tháng của Công ty để phục vụ cho việc giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính, phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và bao gồm những thông tin theo quy định của Pháp luật và Công ty;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, và hợp đồng lao động của Giám đốc.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông khi được yêu cầu.
7. Bãi nhiệm Giám đốc: Nếu ít nhất 3/5 số lượng thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng Quản trị sẽ bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc khác thay thế.

CHƯƠNG IX TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 26 TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Tất cả các thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác; không được chuyển tài sản của Công ty cho người

khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận;

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty không được trục lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không lợi dụng cơ hội kinh doanh và sử dụng những thông tin quản trị của Công ty để trục lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

ĐIỀU 27 TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị khi được hưởng hoặc dự kiến được hưởng những lợi ích mà có thể xung đột với lợi ích Công ty từ các hợp đồng, giao dịch, pháp nhân hoặc cá nhân nào bất kỳ. Chỉ khi các thành viên Hội đồng Quản trị không liên quan đến các lợi ích đó nhất trí, thì các thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý có liên quan mới được hưởng những lợi ích đó.
2. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay Phục vụ mục đích cá nhân của các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người có liên quan với họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty khi họ có những thông tin mà chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó trong khi các cổ đông khác không có những thông tin như vậy.

ĐIỀU 28 TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại khi:
 - a. Hành động không trung thực;
 - b. Không mẫn cán và cẩn trọng hợp lý để hoàn thành trách nhiệm được giao.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng Quản trị, các cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị, các cán bộ quản lý ... để tránh phải chi trả các khoản bồi thường phát sinh.

CHƯƠNG X**BAN KIỂM SOÁT****ĐIỀU 29 BẦU BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban Kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín và có ba (03) thành viên, số lượng thành viên ban kiểm soát mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ tối đa năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại vào Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Nếu thành viên Ban kiểm soát đến tuổi nghỉ hưu theo Bộ Luật lao động thì sẽ được nghỉ theo Bộ luật lao động và Đại hội cổ đông sẽ bầu bổ sung Ban kiểm soát.
2. Các thành viên trong Ban kiểm soát phải là cổ đông của công ty, và phải có trình độ tốt nghiệp đại học thuộc các ngành Kỹ thuật, Kinh tế, Tài chính kế toán, Quản trị kinh doanh, Luật. Trong số các thành viên Ban Kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát bầu một (01) trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Các thành viên trong Ban kiểm soát là cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu 0,03% vốn điều lệ của Công ty hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát phải sở hữu tối thiểu 0,03% vốn điều lệ của Công ty.
5. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát theo qui định của Luật doanh nghiệp.
6. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.
 - Cổ đông cá nhân nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (5%) hoặc người đại diện hợp pháp cho Cổ đông pháp nhân nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số lượng cổ phần có quyền ứng cử để bầu vào Ban Kiểm soát.
 - Những cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian sáu (6) tháng liên tục trở lên có quyền tập hợp phiếu bầu để đề cử các ứng cử viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được phép đề cử một (1) người; Nếu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử hai (2) người; Từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên được đề cử ba (3) người.

ĐIỀU 30 QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc đình chỉ và bãi nhiệm đơn vị kiểm toán, mức phí kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến kế toán và kiểm toán của Công ty.
2. Thảo luận với đơn vị kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành kiểm toán.

3. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị.
4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán muốn bàn bạc.
5. Thẩm định ý kiến của đơn vị kiểm toán và ý kiến phản hồi của Ban điều hành công ty.
6. Thẩm định báo cáo kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận.
7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ (nếu có) và ý kiến phản hồi.
8. Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong các lĩnh vực: quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép và lập sổ sách kế toán cũng như báo cáo tài chính; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông qui định tại Điều 10.3 của Điều lệ này.
9. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.
11. Ban kiểm soát Khi thực hiện nhiệm vụ không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành và hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

ĐIỀU 31 NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các biên bản họp Hội đồng Quản trị cũng sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định tại Điều 29.1 của Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong Đại hội cổ đông gần nhất. Trường hợp thiếu kiểm soát viên và các kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
3. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;

- c. Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Phân công công việc cho các kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
 5. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu bốn (04) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải là hai (02) thành viên.
 6. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Bị mất năng lực pháp lý;
 - b. Có bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;
 - c. Có chứng cứ chứng minh không trung thực, vô tổ chức kỷ luật, tham nhũng và lợi dụng chức danh công việc cầu lợi riêng.
 - d. Thành viên Ban Kiểm soát không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được phép của Ban Kiểm soát;
 - e. Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông gần nhất.
 - f. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền của mình đang giữ chức vụ kiểm soát viên phải đề xuất bằng văn bản với Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông gần nhất.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 32 QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Điều 10.3 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp người khác được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền khi đi kiểm tra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến việc thực thi nhiệm vụ của mình, nhưng phải bảo mật các thông tin này.

- 3 Giám đốc Công ty phải tổ chức lưu Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản Đại hội cổ đông và họp Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu đó.
- 4 Mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Công ty cung cấp một bản Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 33 TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Các tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.
2. Giám đốc phải lập và trình Hội đồng quản trị thông qua:
 - a. Kế hoạch tuyển dụng và cắt giảm lao động;
 - b. Lương và các khoản liên quan đến lương (nếu có), bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động theo quy định của Pháp luật hiện hành.
3. Người lao động đang làm việc cho Công ty theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động. Các chế độ quyền lợi được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.
4. Công ty bảo đảm các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo các quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 34 CỔ TỨC

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm theo mức do Hội đồng Quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.

4. Tại thời điểm chi trả cổ tức, nếu cổ đông chưa đến nhận thì Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.
5. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác như cổ phiếu hoặc trái phiếu, v.v của Công ty. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
6. Cổ tức phải được chi trả tính theo Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt, séc, lệnh chuyển tiền hoặc theo yêu cầu hợp lý của cổ đông. Đối với cổ phiếu đã niêm yết, cổ tức sẽ được thanh toán theo quy trình và quy định của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Sau khi chi trả, những loại cổ phần phát hành để chi trả cổ tức sẽ có tất cả những quyền lợi và trách nhiệm như những cổ phần cùng loại hiện đang lưu hành của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị quyết định ngày khoá sổ cổ đông để chi trả cổ tức và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày khoá sổ mới có quyền nhận cổ tức. Ngày khoá sổ cổ đông có thể là cùng ngày hoặc trước ngày thực hiện chi trả cổ tức. Việc khoá sổ cổ đông phải đảm bảo không ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khi chuyển nhượng cổ phiếu.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 35 TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật nếu xét thấy cần thiết.

ĐIỀU 36 TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

1. Hàng năm, Công ty phải trích bổ sung vốn điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành. Mức trích bổ sung hàng năm theo qui định của Nhà nước.
2. Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội cổ đông quyết định, bao gồm:
 - Quỹ dự trữ: tối đa 5%;
 - Quỹ đầu tư và phát triển : tối đa 10% ;

- Quỹ phúc lợi và khen thưởng: tối đa 5%
- Các quỹ khác nếu có.

ĐIỀU 37 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

ĐIỀU 38 HỆ THỐNG KẾ TOÁN

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.
4. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát xem xét.
5. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:
 - a. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính;
 - b. Báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát về báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty;
 - d. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức v.v.

CHƯƠNG XV CON DẤU

ĐIỀU 39 CON DẤU

1. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua và khắc con dấu chính thức của Công ty theo quy định của Bộ Công an. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại Cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong

Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 40 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 41 GIẢI QUYẾT BẾ TÁC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG

Các cổ đông hay nhóm cổ đông nắm giữ trên bảy mươi phần trăm (70%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có quyền yêu cầu giải thể Công ty, nếu một trong các trường hợp sau đây xảy ra:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết để thông qua nghị quyết của hội đồng quản trị theo quy định;
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cổ đông bất đồng nội bộ và các phe phái trong cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty được coi là phương án có lợi nhất cho toàn thể cổ đông.

ĐIỀU 42 THANH LÝ CÔNG TY

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ đơn vị Kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;
 - c. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông theo cổ phần sở hữu. Trong đó các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 43 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa:
 - a. Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty;
 - b. Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.
2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế để giải quyết; trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là đại diện trước Pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử thì Tòa án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 44 SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của Pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX

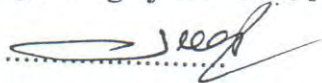
NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 45 NGÀY HIỆU LỰC

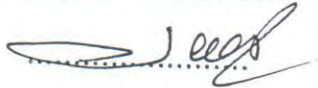
1. Điều lệ này bao gồm mười chín (19) Chương và bốn mươi sáu (46) Điều và đã được Đại hội Cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2006 tại Hải Phòng và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau được lưu giữ tại Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.
3. Điều lệ này Điều lệ là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc chữ ký ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

ĐIỀU 46 CHỮ KÝ CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

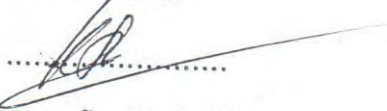
1. Tổng Công ty ĐS Việt Nam



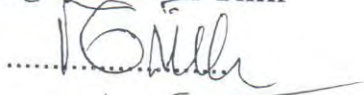
2. Ô. Trịnh Văn Phiến



3. Ô. Lê Văn Phú



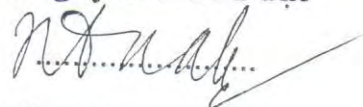
4. Ô. Nguyễn Tiến Tinh



5. Ô. Đỗ Văn Cháu



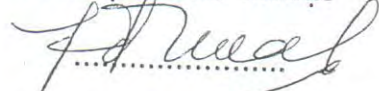
6. Ô. Nguyễn Đức Duật



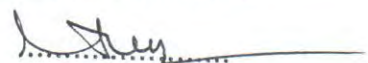
7. Ô. Lại Ngọc Châu



8. Ô. Phạm Đức Thuật



9. Ô. Phạm Văn Hiền



10. Bà Phùng Thị Tuyết

